

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VẠN NINH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 26 tháng 8 năm 2024  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Phan Ngọc Anh

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Đỗ Ngọc Quý

Ông Thạch Nguyễn Mai Tận Bảo

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký viên

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Tiến Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị L- Sinh năm: 1976; trú tại: thôn X, xã Vạn H, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; có mặt;

- **Bị đơn:** Ông Hồ Thành T - Sinh năm: 1974; trú tại: thôn X, xã Vạn H, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 03/7/2024; Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/7/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Liên trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Hồ Thành T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 do Ủy ban nhân dân xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 06/7/2005. Giấy chứng nhận kết hôn bản chính đã thất lạc nên bà nộp trích lục kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; bất đồng quan điểm sống; không tin tưởng, tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy

ra cãi vã. Ông T hay ghen tuông vô cớ, khi bà Lgiải thích thì ông không chấp nhận mà còn xúc phạm danh dự, nhân phẩm, thậm chí đánh bà nhiều lần.

Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hòa giải được, từ đầu đầu tháng 6/2024 đến nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Bà Lxác định không còn yêu thương ông T và yêu cầu ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lyêu cầu giao cho ông Hồ Thành T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Quyết T- sinh ngày 08/02/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi, bà Lkhông cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Hồ Phát Đ- 06/02/2003 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

\* Tại Bản tự khai ngày 11/7/2024 và Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/7/2024, bị đơn ông Hồ Thành T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Ltự nguyện chung sống từ năm 2002, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 do Ủy ban nhân dân xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 06/7/2005.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, ông T biết chăm lo làm ăn xây dựng gia đình, biết quan tâm vợ con. Bà Lthì không biết quan tâm chồng con, thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi, uống cà phê. Ông T nghi ngờ bà Lcó quan hệ tình cảm trên mức bạn bè với người đàn ông khác qua lời nói của hàng xóm chứ ông không có chứng cứ nào khác. Sau khi nghe tin từ người khác, vợ chồng ông bà có nói chuyện với nhau để hòa giải nhưng không thành. Từ đầu tháng 6/2024 đến nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc gì cho ai. Tuy nhiên, ông T xác định vẫn còn yêu thương bà Lvà yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trường hợp ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Quyết T - sinh ngày 08/02/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi, ông không yêu cầu bà Lcấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Hồ Phát Đ - 06/02/2003 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

\* Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn ông T đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm;

nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Lyêu cầu ly hôn với ông Hồ Thành T; trú tại: Thôn Xuân Vinh, xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn, ông T đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, lời khai của bà Luyến, ông T và các chứng cứ khác đã thu thập được thì việc kết hôn giữa bà Trần Thị L và ông Hồ Thành T là tự nguyện, đăng ký kết hôn số 31, ngày 06/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn: Nguyên đơn bà Trần Thị Lyêu cầu ly hôn với ông Hồ Thành T; bị đơn ông T không đồng ý ly hôn với bà Luyến, yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

[4] Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bà L xác định vợ chồng chỉ chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; bất đồng quan điểm sống; không tin tưởng, tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông T hay ghen tuông vô cớ, khi bà L giải thích thì ông không chấp nhận mà còn xúc phạm danh dự, nhân phẩm, thậm chí đánh bà nhiều lần. Căn cứ lời khai của bị đơn, ông T xác định ông là người biết chăm lo làm ăn và quan tâm vợ con, nhưng bà L không biết quan tâm chồng con, thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi. Ông T nghi ngờ bà L có quan hệ trên mức bạn bè với người đàn ông khác nhưng không có chứng cứ cụ thể. Từ tháng 6/2024, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà L và ông T đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc gì cho ai. Từ đó có cơ sở nhận định, vợ chồng bà Luyến, ông T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng, tôn trọng nhau; hai bên không có Tệu chí giải quyết các Tệu sót của bản thân và mâu thuẫn vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải về quan hệ hôn nhân nhưng đến nay, tại phiên tòa, nguyên đơn bà L xác định không còn yêu thương ông T, kiên quyết yêu cầu ly hôn; ông T có lời khai mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng vắng mặt tại các phiên họp hòa giải mà Tòa án tổ chức, không tham gia phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, chứng tỏ ông T không còn

Tện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã trầm trọng, không thể hòa giải, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[6] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Hồ Quyết T- sinh ngày 08/02/2008 và Hồ Phát Đ- 06/02/2003. Bà L và ông T thống nhất giao cho cha là ông Hồ Thành T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hồ Quyết T- sinh ngày 08/02/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi; đối với con chung Hồ Phát Đ- 06/02/2003 đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, ông T có đủ điều kiện, khả năng để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi thành niên và theo nguyện vọng của cháu Hồ Quyết Thắng mong muốn được sống chung với cha, nên Hội đồng xét xử cần giao cho người cha là ông Hồ Thành T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hồ Quyết T- sinh ngày 08/02/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi, là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp đạo đức xã hội.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn bà L không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con; bị đơn ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung: Bà L và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Bà L và ông T xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Hồ Thành T.

2. Về con chung: Giao cho ông Hồ Thành T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hồ Quyết T - sinh ngày 08/02/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi. Đối với con chung Hồ Phát Đ - 06/02/2003 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị Lcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần Tết bà Luyên, ông T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Lvà ông Hồ Thành T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Lphải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Lđược trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007066 ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Chi cục T hành án dân sự huyện Vạn Ninh; bà Lđã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

\* Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã Vạn Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Ngọc Anh**